

## Quan niệm của Mahatma Gandhi về chủ nghĩa dân tộc trong tác phẩm *Hind Swaraj*

Phạm Ngọc Thủy\*

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội

Ngày nhận bài: 12/02/2019, ngày gửi phản biện: 01/7/2019, ngày duyệt đăng: 17/7/2019

**M**ahatma Gandhi có lẽ là nhân vật được công nhận rộng rãi nhất trong Phong trào Dân tộc Ấn Độ do vai trò của ông trong việc lãnh đạo các cuộc nổi dậy dân sự bất bạo động. Sự dụng các phong trào dân tộc bất bạo động làm vũ khí của mình, Mahatma Gandhi đã thúc đẩy nhân dân Ấn Độ đấu tranh giành độc lập từ thực dân Anh. Bài viết đề cập đến quan niệm của Gandhi về chủ nghĩa dân tộc - một trong những quan điểm gây tranh cãi nhất và cũng giàu ảnh hưởng nhất của ông - qua ba nội dung chính: (i) Ấn Độ với tư cách là một dân tộc; (ii) Đánh giá Đảng Quốc đại và các thể chế cũng như việc thực hành chính trị của Anh; (iii) Tự trị: lấp đầy khoảng cách giữa giới tinh hoa và người bình dân qua nghiên cứu tác phẩm *Hind Swaraj* (Nền tự trị của Ấn Độ).

Từ khóa: Hind Swaraj, chủ nghĩa dân tộc, Mahatma Gandhi

### Mở đầu

Diễn ngôn chính trị Ấn Độ hiện đại bắt đầu từ Rammohun Roy và chi trở thành một diễn ngôn chính trị thực sự sau khi thành lập Đảng Quốc đại Ấn Độ năm 1885. Triết lý của chủ nghĩa dân tộc Ấn Độ sơ khai tập trung vào tính xã hội hơn là vào tính chính trị vì sự phân chia xã hội sâu sắc và sự không đồng đều tạo nên quan niệm hiện đại về tư cách quốc gia của Ấn Độ. Rammohun đã nói về sự lệ thuộc và cuộc đấu tranh thoát khỏi người Anh sau 150 năm của Ấn Độ. Sau Rammohun, có thể thấy một sự khẳng định mạnh mẽ hơn về bản sắc Ấn Độ, tuy nhiên, đa số học giả đều giống như Surendranath Bannerjee, đều cho rằng Ấn Độ chưa phải là một quốc gia mà chỉ đang dần trở thành một quốc gia.

Trong 25 năm cuối của thế kỷ XIX, có một sự kết tinh của triết lý về chủ nghĩa dân tộc mang tính văn hóa, được thể hiện chủ yếu ở Dayananda Saraswati và Swami Vivekananda. Dayananda nói về một quá khứ huy hoàng của Ấn Độ, tuyên bố Vedas là nguồn tri thức sử thi cho toàn nhân loại, nhưng trong triết lý mang tính phục hưng này, ông cũng ý thức được sự suy thoái của nó, nhu cầu cải cách và tạo ra một bản sắc Ấn Độ mới. Trong quan điểm này, có rất nhiều tác động của văn hóa Anh khi ông mô tả người Anh là dân tộc vượt trội, thể hiện sự tự tin về trang phục, ngôn ngữ và văn hóa của họ. Quan trọng nhất theo ông, là người Anh tôn vinh ý tưởng về hợp đồng trong quan hệ cá nhân của họ. Trong bối cảnh Ấn Độ đương đại, ông mong muốn một sự thức tỉnh văn hóa và hội nhập bình đẳng là cốt lõi của truyền thống Ấn Độ, truyền bá *swadeshi* và *Hindustani* là ngôn ngữ chung của đất nước. Lập luận chung của

\* dothuha2000@gmail.com

Dayananda là, người Ấn Độ không thua kém người Anh và trong khuôn khổ của một quá khứ hồi sinh, hoàn toàn có thể hình dung ra một tương lai tốt đẹp hơn của Ấn Độ với tư cách một quốc gia. Vivekananda, nói lên một khía cạnh quan trọng khác của mối quan hệ hợp tác biện chứng, nhận thấy cả nền văn minh phương Tây và nền văn minh Ấn Độ chỉ hoàn thiện một phần vì phương Tây thiếu tâm linh trong khi Ấn Độ thiếu truyền thống giáo dục hiện đại và nghiên cứu khoa học.

Khi Gandhi bước vào vũ đài chính trị Ấn Độ sau khi trở về từ Nam Phi, cuộc tranh luận giữa phái ôn hòa và phái cực đoan hầu như đã kết thúc và cuộc tranh luận về tính ưu việt về xã hội hoặc chính trị đã được giải quyết. Lúc này, sự ảnh hưởng rộng rãi của các phong trào cải cách và cuộc đấu tranh dân tộc đã tác động đến tâm trí người Ấn Độ qua nhiều quan niệm của châu Âu và trở thành một phần không thể thiếu trong diễn ngôn về dân tộc mà trong đó, Mahatma trở thành đại diện và sức mạnh thống nhất.

Ông bác bỏ ý kiến cho rằng, các thuộc tính của một quốc gia ở Ấn Độ chỉ mới có nguồn gốc gần đây và đặc biệt là nhờ dấu ấn của thực dân Anh. Theo tinh thần của chủ nghĩa dân tộc văn hóa trước đó, ông truy trở lại di sản Ấn Độ cổ đại để chứng minh rằng, ý tưởng về quốc gia Ấn Độ không chỉ ở dạng thô sơ mà còn tồn tại khá lâu, trước cả ý tưởng về chủ nghĩa dân tộc hay nhà nước - dân tộc có nguồn gốc phương Tây. Theo Gandhi, những địa điểm hành hương vĩ đại khắp Ấn Độ và các vị thánh, bằng hành động hy sinh và kiên trì của họ, đã không còn là người con của địa phương hay khu vực mà đã trở thành biểu tượng quốc gia là một dấu hiệu đủ cho thấy Ấn Độ là một quốc gia trước thời cai trị của Anh.

## 1. Ấn Độ với tư cách là một dân tộc

Gandhi bác bỏ quan niệm phổ biến rằng “*Ấn Độ đã trở thành một quốc gia dưới sự cai trị của Anh*” và tranh luận với những người cho rằng, Ấn Độ chỉ trở thành một quốc gia sau khi du nhập các ý tưởng phương Tây, những thay đổi về phương tiện hiện đại như đường sắt và điện báo của người Anh. Ông cho rằng, quan điểm này là cách giải thích của người Anh về lịch sử Ấn Độ và chỉ ra trong *Hind Swaraj*<sup>1</sup> xuất bản lần đầu năm 1909: “*Tôi cho rằng điều này là sai lầm. Người Anh đã dạy chúng ta rằng chúng ta không phải là một quốc gia trước đây và sẽ cần nhiều thế kỷ trước khi chúng ta trở thành một quốc gia. Điều này không có cơ sở. Chúng ta là một quốc gia trước khi họ đến Ấn Độ. Một ý nghĩ đã truyền cảm hứng cho tôi. Lối sống của họ và ta là như nhau. Chính bởi vì là một quốc gia mà chúng ta đã có thể thành lập vương quốc. Sau đó, họ đã chia cắt chúng ta*” (Gandhi M.K., 1938, p.6). Gandhi tuyên bố rằng, Ấn Độ là quốc gia dựa trên hai giá trị: thứ nhất là nền văn minh Ấn Độ cổ đại có khả năng thích ứng với sự đa dạng và đa nguyên, và thứ hai là ở Ấn Độ cổ đại, khi thiết lập một số nơi hành hương nhất định, các *acharyas*<sup>2</sup> đã đặt nền tảng cho sự tiến hóa của một ý thức chung trên toàn Ấn Độ. Nền văn minh cổ đại của Ấn Độ chủ yếu mang tính chất Hindu giáo nhưng nó mở ra cho các giá trị và ý tưởng Hindu giáo. Gandhi nhấn mạnh khả năng thích ứng của Ấn Độ để hợp nhất các ý tưởng và giá trị mới với nền văn minh cổ đại của nó trong nhiều thế kỷ. Đối với khẳng định thứ hai, Gandhi chỉ ra rằng các trung tâm hành hương

<sup>1</sup> *Hind Swaraj* hay *Quy tắc tự trị Ấn Độ* do Mohandas K. Gandhi viết năm 1909. Trong đó, ông bày tỏ quan điểm của mình về Tự trị - *Swaraj*, nền văn minh hiện đại, cơ giới hóa,...

<sup>2</sup> Trong các tôn giáo và xã hội Ấn Độ, *acharya* là một người giới luật hoặc người hướng đạo trong các vấn đề tôn giáo; người sáng lập, hoặc lãnh đạo của một giáo phái; hoặc một người có học thức cao. Việc chỉ định danh hiệu này có ý nghĩa khác nhau trong Hindu giáo, Phật giáo và bối cảnh thế tục. *Acharya* đôi khi được sử dụng để chỉ giáo viên hoặc học giả trong bất kỳ ngành học nào, ví dụ: Bhaskaracharya, nhà toán học.

như Haridwar ở miền Bắc và Rameshwaram ở miền Nam và Jagannath ở phía Đông được thành lập không chỉ vì lợi ích tôn giáo mà còn *"tạo ra và duy trì ý thức về bản sắc chung của người Ấn Độ sống rải rác trên một lãnh thổ rộng lớn...., họ thấy rằng Ấn Độ là một vùng đất không thể chia cắt do thiên nhiên tạo ra. Do đó, họ lập luận rằng, đó phải là một quốc gia. Họ đã lập nên những thành địa ở nhiều vùng khác nhau ở Ấn Độ và khai sáng người dân bằng một ý tưởng về quốc gia theo cách chưa từng được biết đến ở những nơi khác trên thế giới"* (Gandhi M.K, 1938, p.48).

Theo Gandhi, sức mạnh của Ấn Độ nằm ở sự thống nhất trong đa dạng của nó. Ông thừa nhận sự tồn tại của nhiều ngôn ngữ và phương ngữ, khẳng định rằng tất cả các phương ngữ của tiếng Sanskrit và Dravidian nên được thay thế bằng Devanagari. Cho đến khi một chữ viết chung được chính thức hóa, Hindustani có thể được sử dụng như ngôn ngữ chung với tùy chọn là các ký tự Ba Tư hoặc Nagari và *"khi hai ngôn ngữ này tương hợp với nhau, hình thức của chúng sẽ được hợp nhất và chúng ta sẽ có một ngôn ngữ có chứa yếu tố của cả hai, với nhiều từ vay mượn từ tiếng Sanskrit, tiếng Ba Tư, tiếng Ả Rập hoặc các từ khác có thể cần thiết cho sự phát triển và biểu hiện đầy đủ của nó"* (Gandhi M.K, 1938, p.62).

Về vấn đề đa dạng tôn giáo, Dù là quê hương của nhiều tôn giáo, Gandhi nói *"Ấn Độ chắc chắn là một quốc gia với các tín đồ thuộc các tôn giáo khác nhau sống trong đó. Việc người nước ngoài nhập cư không nhất thiết sẽ phá hủy quốc gia mà họ hợp nhất trong đó. Một quốc gia chỉ là một quốc gia khi điều kiện như vậy có được. Đất nước đó phải có khả năng đồng hóa. Ấn Độ đã từng là một đất nước như vậy. Trong thực tế, có nhiều tôn giáo riêng biệt nhưng những người có tinh thần quốc gia không can thiệp vào tôn giáo khác. Nếu tín đồ Hindu giáo tin rằng Ấn Độ chỉ nên để tín đồ Hindu sống thì họ đang sống ở vùng đất mơ ước đó. Tín đồ Hindu, Muslim, Parsis và Kitô hữu, những người đã biến Ấn Độ thành đất nước của họ, chính là đồng hương, và họ sẽ phải sống trong sự thống nhất, vì lợi ích của chính họ. Không có nơi nào trên thế giới chỉ có một tộc người và duy nhất một tôn giáo. Ấn Độ cũng chưa từng có tình trạng như vậy"* (Gandhi M.K, 1938, pp.78-82).

Khi đọc giả của cuốn *Hind Swaraj* hỏi liệu Islam có thể khiến không tạo ra quốc gia hay không, Gandhi trả lời rằng *"Nền văn minh Ấn Độ có thể đã cung cấp một cơ sở cho một bản sắc chung trong thời kỳ tiền Islam<sup>3</sup>; nhưng bây giờ chúng ta có người Muslim, Parsis và Kitô hữu. Rất nhiều câu tục ngữ Ấn Độ đã chứng minh điều đó. Muslim quay sang phương Tây để thờ phụng và tín đồ Hindu quay sang phía Đông; Muslim giết bò, tín đồ Hindu tôn thờ bò. Người Muslim không tin vào ahimsa, trong khi tín đồ Hindu tuân thủ nó. Do đó, chúng ta gặp sự khác biệt ở mỗi điểm dừng. Làm thế nào để Ấn Độ có thể là một quốc gia?"* (Gandhi M.K, 1938, pp.78-82). Gandhi nhận thức được sự khác biệt thực tế giữa tín đồ Hindu và Muslim nhưng không coi những khác biệt này đủ nghiêm trọng để ngăn chặn sự xuất hiện của chủ nghĩa dân tộc có tính tổng hòa. Ông không xem sự hiện diện của Muslim, Parsis, Sikh và Kitô giáo là một thách thức đối với nền văn minh Ấn Độ mà là một cơ hội cho phép họ thích nghi để cùng chung sống.

<sup>3</sup> Nguyên nghĩa của Hồi giáo trong tiếng Ả Rập là Islam và có nghĩa là "vâng mệnh, quy phục Thượng đế". Người theo Islam, trong tiếng Ả Rập gọi là Muslim, do đó có các chữ muslim, moslem trong tiếng Anh và musulman trong tiếng Pháp. Danh từ "Hồi giáo" xuất xứ từ dân tộc Hồi Hột. Hồi Hột là nước láng giềng phương Bắc Trung Quốc từ năm 616 đến 840. Lúc rộng lớn nhất lãnh thổ họ phía Đông đến Mãn Châu, Tây đến Trung Á, và họ đã giúp nhà Đường dẹp được loạn An Lộc Sơn. Với thời gian, cách gọi đổi thành "Hồi Hồi". Tài liệu xưa nhất dùng danh từ "Hồi Hồi" là Liêu Sử, soạn vào thế kỷ XII. Đời nhà Nguyên (1260 - 1368), tại Trung Quốc, cụm từ "người Hồi Hồi" được dùng để chỉ định người Trung Á, bất luận theo tín ngưỡng nào. Đến đời Minh (1368 - 1644), cụm từ "người Hồi Hồi" mới dần dần đổi nghĩa để chỉ định tín đồ Islam (Donald. D. Leslie, 1998, p.196).

Hơn nữa, ông cũng nhấn mạnh rằng, tôn giáo với tư cách là một giáo phái không phải là nền tảng của quốc gia: *"Ấn Độ không thể ngừng là một quốc gia chỉ vì có tin đồ thuộc các tôn giáo khác nhau sống trong đó. Việc người nước ngoài nhập cư cũng không nhất thiết phải phá hủy quốc gia"* (Gandhi M.K, 1938, p.80).

Về vấn đề ngôn ngữ, Gandhi bác bỏ khái niệm của Macaulay về vai trò của tiếng Anh ở Ấn Độ; tình ưu việt của tiếng mẹ đẻ hoặc thứ mà cuốn *Hind Swaraj* gọi là phương ngữ và mong muốn sử dụng Hindustani như ngôn ngữ chung của Ấn Độ. Trong một bức thư gửi Lord Amphill, Gandhi tuyên bố: *"Tôi không còn tin như tôi đã từng vào Lord Macaulay với tư cách là ân nhân thông qua Biên bản về giáo dục (Minute on education) của ông ấy. Trong Hind Swaraj, Gandhi viết "nền tảng mà Macaulay đặt ra cho giáo dục đã biến chúng ta thành nô lệ"* (Gandhi M.K, 1938, pp.78-82). Sau đó, Gandhi buộc tội người Ấn Độ biết tiếng Anh vì đã biến Ấn Độ thành nô lệ và nói rằng *"lời nguyện của nước Anh sẽ không chỉ ứng nghiệm vào tiếng Anh mà còn ứng nghiệm vào chúng ta"* (Gandhi M.K., 1938). Ông bác bỏ luận điểm của Macaulay rằng, tiếng Sanskrit và tiếng Ba Tư không có giá trị nền tảng cho nền văn minh Ấn Độ trong tương lai và tiếng Anh nên thay thế chúng và trở thành ngôn ngữ nền tảng mới của Ấn Độ hiện đại: *"Nếu ngôn ngữ tiếng Anh được trao cho vai trò văn hóa này thì nó tương đương với việc tự từ mang tình quốc gia. Người Ấn Độ, coi ngôn ngữ tiếng Anh là nền tảng của văn hóa Ấn Độ mới, là nô lệ và không giải phóng được Ấn Độ"* (Gandhi M.K, 1938, p.81). Ông bác bỏ nhận thức về tiếng Anh với tư cách là nền tảng của nền văn minh Ấn Độ nhưng thừa nhận vai trò thực tế của tiếng Anh trong việc đảm bảo nhu cầu giáo dục khoa học và giao tiếp liên tỉnh.

Gandhi khẳng định rằng, tiếng mẹ đẻ phải là nền tảng chính của đời sống văn hóa của mỗi tỉnh, trong khi ông nhận ra rằng tiếng Anh phải được sử dụng để mang lại sự phát triển hơn nữa của tiếng mẹ đẻ. Trong *Hind Swaraj*, Gandhi nói một cách dứt khoát rằng, *"Ấn Độ phải cải thiện tất cả các ngôn ngữ. Những môn chúng ta nên học thông qua tiếng Anh không được bàn ở đây. Những cuốn sách tiếng Anh có giá trị chúng ta nên dịch sang các ngôn ngữ Ấn Độ khác nhau"* (Gandhi M.K, 1938, p.80). Ông cũng có một cái nhìn sâu sắc khác rằng, tiếng Anh nên là ngôn ngữ của giáo dục khoa học và tiếng mẹ đẻ là ngôn ngữ của giáo dục đạo đức. Gandhi nhấn mạnh về sự phân cách giữa giới tinh hoa nói tiếng Anh và quần chúng nói tiếng mẹ đẻ ở Ấn Độ tồn tại ra sao và sự phân cách này dẫn đến sự khác biệt xã hội và cảm giác vượt trội trong giới tinh hoa và thấp kém trong quần chúng. Chính xu hướng sai lầm này của giới thượng lưu Ấn Độ chứ không phải là kiến thức truyền đạt qua tiếng Anh bị ông chỉ trích. Ông nhận thức được lợi ích của tiếng Anh trong các lĩnh vực giao tiếp và tiến bộ khoa học và nhấn mạnh về sự cần thiết phải đạt tiếng Anh trong khuôn khổ của chủ nghĩa dân tộc Ấn Độ.

Gandhi phản đối sử dụng tiếng Hindi với lựa chọn viết nó bằng văn tự Devanagari hoặc Ba Tư với tư cách là ngôn ngữ chung của Ấn Độ và nhấn mạnh rằng *"Người Ấn Độ có văn hóa sẽ biết thêm vào tiếng mẹ đẻ của mình; nếu là tín đồ Hindu là biết tiếng Sanskrit; nếu là Muslim biết tiếng Ả Rập; một tín đồ Hòa giáo sẽ biết tiếng Ba Tư, và tất cả đều biết tiếng Hindi. Một số tín đồ Hindu nên biết tiếng Ả Rập và tiếng Ba Tư; một số Muslim và Hòa giáo cũng biết tiếng Sanskrit. Một số người miền Bắc và miền Tây nên học tiếng Tamil"* (Gandhi M.K, 1938, p.81).

Gandhi luôn ủng hộ việc chia bang dựa trên ngôn ngữ. Năm 1918, khi một đề xuất tái phân bố ngôn ngữ Ấn Độ thất bại trong Cơ quan lập pháp Hoàng gia, Gandhi đã viết cho người đề xuất hành động này: *"Ý tưởng của bạn rất tuyệt vời nhưng bất khả thi trong tình hình hiện nay"*. Ba năm sau, ông nói với Liên

đoàn Tự trị rằng “*để đảm bảo sự phát triển của mọi thành phần trong quốc gia*”, họ nên “*cố gắng mang lại sự phân chia hành chính theo ngôn ngữ của Ấn Độ*” (*Young India*, 27-4-'21). Ủy ban Quốc hội được thành lập dựa trên tiếng mẹ đẻ và điều đó đã mang đến một sự khích lệ to lớn cho phong trào quốc gia. Gandhi tự tin rằng chủ nghĩa dân tộc Ấn Độ có một cơ hội vàng để dạy điều gì đó mới cho thế giới, cụ thể ở đây là mô hình của một quốc gia đa ngôn ngữ và đa tôn giáo.

Như Rammohun và Vivekananda, Gandhi nhiều lần nhấn mạnh đa nguyên tôn giáo và sự thật cơ bản của các tôn giáo lớn trên thế giới. Ông tha thiết mong các môn đệ “*hãy nhớ rằng tôn giáo của chúng ta là chân thật nhất đối với mỗi con người ngay cả khi nó đứng ở vị trí thấp trong thang đo so sánh triết học*” (*Gandhi M.K*, 1938, pp.45-46). Cuộc gặp gỡ của ông với các nhà truyền giáo ở Nam Phi đã đóng một phần quan trọng trong việc phát triển ý tưởng của ông. Họ sẵn sàng thảo luận các vấn đề tôn giáo với Gandhi khiến ông nhận ra tầm quan trọng của tôn giáo và mặt tích cực và tiêu cực trong giáo lý của họ. Về mặt tích cực, ông chấp nhận viễn cảnh rằng, Thiên Chúa hướng dẫn mọi người và chia sẻ niềm tin với họ rằng, các tổ chức như Giáo hội và các hiệp hội tự nguyện khác sẽ trở thành công cụ cải cách xã hội và giảm bớt đau khổ của con người. Tuy nhiên, ông không thể dung hòa với quan điểm hạn hẹp của họ rằng một tôn giáo cụ thể nào đó có thể là chân lý và coi đây là hạn chế nghiêm trọng nhất của họ. Ông không coi cải giáo là một sự thất bại về đạo đức và nghĩa vụ của bất kỳ tôn giáo nào là loại bỏ những tín đồ tôn giáo khác vì đó là vi phạm sự toàn vẹn của các mối quan hệ gia đình và cộng đồng.

## 2. Đánh giá Đảng Quốc đại và các thể chế, thực hành chính trị của Anh

Trong *Hind Swaraj*, Gandhi đưa ra đánh giá về Đảng Quốc đại Ấn Độ từ khi thành lập đến năm 1909. Chương 1-3 và một phần của Chương 20 được dành cho chủ đề này. Đối với sự khẳng định cho rằng giới trẻ ở Ấn Độ thờ ơ với Đảng vì họ coi đó là công cụ để duy trì sự cai trị của người Anh và cần phải từ bỏ chế độ cổ động cho hiến pháp và chấp nhận bạo lực, Gandhi chỉ ra rằng, bất chấp sự bất cập của nó, Quốc đại là tổ chức đầu tiên “*đã đưa chúng ta tới ý tưởng về quốc gia Nó đã tập hợp người dân đến từ các vùng khác nhau của Ấn Độ*” và “*Quốc gia nên kiểm soát doanh thu và chi tiêu*”, “*luôn tự trị theo mô hình Canada*” cũng như đã cho ta “*mường tượng về quy tắc Tự trị*” (*Gandhi M.K*, 193, p.23). Sẽ là không đúng nếu bài nhiệm Đảng Quốc đại vì điều đó sẽ làm chậm lại sự hoàn thành mục tiêu cuối cùng là đạt được *swaraj* thực sự.

Gandhi bày tỏ lòng kính trọng đối với Dadabhai Naoroji<sup>4</sup> với tư cách là “*Cha già dân tộc*” và tác giả của chủ nghĩa dân tộc Ấn Độ. Lý thuyết của ông dạy cho ta biết “*nước Anh đã hút máu Ấn Độ như thế nào. Việc bám lấy sự nghèo khổ của Gokhale nằm ngoài ý thức của ông về lòng yêu nước và “thông qua Đảng Quốc đại, đã gieo hạt giống của Quy tắc Tự trị”*” (*Gandhi M.K*, 1938, pp.55-57). Ông nhấn mạnh

<sup>4</sup> Dadabhai Naoroji (4/9/1825 - 30/6/1917) còn được gọi là “*Ông già Ấn Độ*” và “*Đại sứ không chính thức của Ấn Độ*” là một trí thức, nhà giáo dục, thương nhân về bông và là lãnh đạo chính trị và xã hội Ấn Độ. Ông là một thành viên của Đảng Tự do (MP) tại Hạ viện Vương quốc Anh từ năm 1892 đến năm 1895 và là người Ấn Độ đầu tiên trở thành nghị sĩ Anh. Naoroji cũng được ghi nhận với việc thành lập Đảng Quốc đại Ấn Độ, cùng với A.O. Hume và Dinshaw Edulji Wacha. Cuốn *Poverty and Un-British Rule in India* của ông đã gây chú ý đến việc bòn rút của cái của Ấn Độ của nước Anh. Ông cũng là thành viên của Quốc tế thứ hai cùng với Kautsky và Plekhanov. Năm 2014, Phó Thủ tướng Nick Clegg đã khánh thành Giải thưởng Dadabhai Naoroji dành cho sự phục vụ quan hệ Anh - Ấn Độ. Bưu điện Ấn Độ cũng dành riêng bộ tem cho Naoroji vào năm 1963, 1997 và 2017 (*Chisholm, Hugh* (ed). 1911, p.167).

ràng, một quốc gia khao khát bảo vệ Quy tắc Tự trị không thể coi khinh tổ tiên của mình. Gandhi cũng tán thành vai trò của Hume và Wedderburn trong sự trỗi dậy và phát triển của chủ nghĩa dân tộc của Đảng Quốc đại và không thấy có gì mâu thuẫn nếu người Ấn Độ và người Anh có thể cùng nhau nuôi dưỡng chủ nghĩa dân tộc Ấn Độ. Ông thừa nhận rằng, “*nhiều người Anh mong muốn Quy tắc Tự trị cho Ấn Độ*”. Những người Anh đã biến Ấn Độ thành nhà của họ xứng đáng được đối xử công bằng, điều mà những người theo chủ nghĩa cực đoan và những người theo chủ nghĩa dân tộc cách mạng phủ nhận. Gandhi cũng bác bỏ trong *Hind Swaraj*, những người cực đoan là những kẻ lạc hậu và vô trách nhiệm, ông gọi những người vô chính phủ và những kẻ khủng bố là những kẻ điên rồ trong bối cảnh chính trị Ấn Độ. Từ chối cả hai nhóm này, ông ủng hộ chương trình, lý tưởng và phương pháp của các yếu tố ôn hòa trong Đảng Quốc đại ở Ấn Độ.

Gandhi thành lập Đảng Quốc đại Ấn Độ Natal<sup>1</sup> theo mô hình của Đảng Quốc đại Ấn Độ ở Nam Phi và tuân thủ nghiêm ngặt việc thực hành cầu nguyện, thỉnh nguyện và phản đối người Anh. Theo bước chân của những người tự do đầu tiên như Rammohun, Gokhale và Surendranath Bannerjee, Gandhi thừa nhận rằng, mối liên hệ của Anh với Ấn Độ là quan trọng và người Ấn Độ “*thực sự tự hào được đặt dưới vương miện của Anh bởi vì họ nghĩ rằng Anh sẽ chứng minh là người giải thoát Ấn Độ (England will prove India's deliverer)*” (Judith M. Brown, 1972, p.19). Gandhi, giống như những người tự do ban đầu, có niềm tin hoàn toàn vào tinh yêu công lý, luật chơi công bằng và thực hành bình đẳng hiến pháp của Anh trước pháp luật không chỉ áp dụng cho công dân Anh mà còn cho tất cả mọi người. Phân biệt chủng tộc là “*phân Anh (Un British)*” và không thể không chịu sự trừng phạt của thực tiễn Hiến pháp Anh. Ông thần tượng Hiến pháp Anh vì nó bảo đảm tự do cá nhân và bình đẳng chủng tộc. Ông mong muốn Ấn Độ phát triển để hợp tác bình đẳng với Đế quốc Anh và bằng cách giúp người Anh, Ấn Độ có thể đủ điều kiện cho *swarajya* hoặc được tự trị. Trong thời gian làm việc ở Nam Phi, Gandhi đã nhắc nhở người Anh rằng, phân biệt chủng tộc là vi phạm Nghị định thư và tinh thần của Hiến pháp Anh. Chiến thuật *Satyagraha* của ông cũng là một sự hiểu biết sâu sắc về cả lịch sử và tính cách người Anh. Tin chắc rằng việc giải quyết những bất bình chỉ có thể khả thi khi mọi người sẵn sàng chịu đựng để được cứu giúp đã nhấn mạnh triết lý của ông về *satyagraha*. Lấy ví dụ từ *Suffragists* (người ủng hộ mở rộng quyền bầu cử của Anh), ông yêu cầu người Ấn Độ ở Nam Phi thi đua với họ bằng cách phát triển khả năng chịu đựng đau khổ. Gandhi chỉ ra rằng cuộc đấu tranh gian khổ kéo dài hàng thế kỷ với sự hy sinh mà phụ nữ Anh tiến hành để giành quyền bầu cử cuối cùng đã buộc Chính phủ Anh thừa nhận yêu cầu của họ. Nhiều năm sau, ông nhớ lại rằng “*một người Anh không bao giờ tôn trọng bạn cho đến khi bạn đứng thẳng trước anh ta. Sau đó, anh ta bắt đầu thích bạn. Anh ta không lo sợ gì về thể chất, nhưng anh ta cực kỳ sợ tương tác của chính mình nếu bạn khiến anh ta thấy là anh ta đã sai. Anh ta không thích bị quở trách vì làm sai lúc đầu nhưng sẽ nghĩ mãi về điều đó, nó sẽ ám ảnh và làm tổn thương anh ta cho đến khi anh ta làm điều gì đó để sửa chữa*” (Gandhi M.K., 1938, pp.57-59).

Gandhi tin rằng, chiến thuật *Satyagraha* có hiệu quả nhất nếu được sử dụng để chống lại người Anh mặc dù có thể sử dụng nó ở mọi nơi và là một giải pháp thay thế chiến tranh khi giải quyết xung đột. Năm

<sup>1</sup> Đảng Quốc đại Ấn Độ Natal (NIC) là một tổ chức nhằm chống phân biệt đối xử với người Ấn Độ ở Nam Phi. Quốc hội Ấn Độ Natal được thành lập bởi Mahatma Gandhi vào năm 1894, đưa ra điều lệ ngày 22/8/1894. Gandhi là Thư ký danh dự và Abdoola Hajeer Adam Jhaveri (Dada Abdulla) được bầu làm Chủ tịch.

1904, ông quan sát thấy “*Khả năng kiểm tiến thành công ở khắp mọi nơi. Nó làm tốt hơn thế dưới sự thống lĩnh của người Anh. Nếu bộ máy Anh di chuyển chậm, thiên tài của quốc gia này khá bảo thủ nhưng họ cũng nhận thức nhanh, hành động nghiêm túc và đoàn kết*” (Judith M. Brown, 1972, p.126). Năm 1907, ông chỉ ra rằng người dân Anh sẵn sàng hy sinh ngay cả mạng sống của họ cho sự nghiệp. Nhưng họ sẽ bỏ qua những yêu cầu thực sự nếu chúng chỉ được đưa ra bằng lời nói. Ngay cả ở đất nước của họ, người Anh cũng tuân theo các nguyên tắc tương tự.

Sự tôn trọng của Gandhi đối với ý thức công lý của người Anh vẫn tiếp tục ngay cả sau khi trở về Ấn Độ và trong Thế chiến thứ nhất, ông đã tuyển mộ binh lính cho quân đội Anh vô điều kiện trong khi Tilak và Jinnah đều từ chối làm điều đó vì không có sự tiến bộ nào trong sự nghiệp dân tộc. Niềm tin mà Gandhi có về ý thức công lý tối thượng của người Anh chỉ bị phá vỡ bởi vụ thảm sát Jallianwala Bagh<sup>6</sup>.

### 3. Tự trị: lấp đầy khoảng cách giữa giới tinh hoa và người bình dân

Với Gandhi, chủ nghĩa dân tộc có nghĩa là tự trị, trong đó cả cộng đồng chứ không chỉ giới thượng lưu sẽ được tự do hoạt động; sức mạnh tinh thần chứ không phải vũ lực là cơ sở của trật tự công cộng; lợi ích quốc gia là tiêu chí đạo đức tối cao của hoạt động nhà nước. Ông bác bỏ đề xuất về một chính phủ của giới tinh hoa quốc gia. Trong *Hind Swaraj*, ông nói: “*Bạn sẽ thừa nhận rằng người dân sống dưới sự cai trị của một vài hoàng tử Ấn Độ đang bị giày xéo. Chế độ chuyên chế của họ còn bạo ngược hơn chế độ của người Anh*” (Judith M. Brown, 1972, p.128). Ông cũng bác bỏ các phương pháp bạo lực của chủ nghĩa dân tộc cách mạng bằng cách trích Madan Lal D Breathra và nói: “*Những người vươn lên nắm quyền bằng cách giết người chắc chắn sẽ không làm cho quốc gia hạnh phúc*” (Gandhi M.K., 1938, pp.62-69). Ông nhấn mạnh rằng, lực lượng tinh thần có hiệu quả hơn bạo lực vũ trang và trích dẫn ví dụ về thông điệp của Tulsidas về *daya* (lòng trắc ẩn) là cơ sở tối hậu thực sự của Đạo pháp (*Dharmar*). Gandhi đủ thực dụng để hiểu rằng bạo lực nhà nước không thể bị loại bỏ hoàn toàn nhưng cho rằng bất kỳ bạo lực nào nhà nước phải thực hiện đều phải được thực hiện vì lợi ích của toàn dân chứ không chỉ vì lợi ích của giới tinh hoa và phải tuân theo *daya*. Ông nhấn mạnh vào sự cân bằng hợp lý giữa *daya* và lợi ích quốc gia. Sai lầm của chủ nghĩa dân tộc hiện đại là sự tách biệt giữa *daya* và lợi ích quốc gia. Đó là lý do tại sao giới tinh hoa thường hành động theo cách gây bất lợi cho quần chúng.

Khi xác định một quốc gia, Gandhi đề cao ý nghĩa thực sự của *swaraj* là điều kiện tinh thần và điều kiện bên ngoài. Với tư cách là điều kiện tinh thần, nó có nghĩa là: (1) giải phóng nội tâm khỏi những cảm dỗ của lòng tham và quyền lực mà nền văn minh hiện đại mang lại; (2) tự do thoát khỏi sự thù hận đối với quốc gia “*ké thù*” - người Anh và (3) tinh yêu tích cực dành cho quần chúng Ấn Độ. *Swaraj* với tư cách điều kiện bên ngoài là (1) độc lập chính trị thoát khỏi sự thống trị của người nước ngoài và (2) công hiến trọn đời cho nhiệm vụ cải thiện điều kiện vật chất nghèo đói và áp bức đẳng cấp mà người dân Ấn Độ phải chịu.

*Swaraj* không chỉ đơn thuần là thoát khỏi người Anh mà còn thoát khỏi cả niềm đam mê về nền văn minh hiện đại vốn dạy cho giới thượng lưu Ấn Độ cách áp bức người dân. *Hind Swaraj* đề xuất 19 điểm

<sup>6</sup> Thảm sát Jallianwala Bagh (hay thảm sát Amritsar), xảy ra tại vườn công viên Jallianwala bagh ở thủ phủ Amritsar phía Bắc Ấn Độ ngày 13/4/1919. Người đã ra lệnh bắn vào đám đông là Chuẩn tướng Reginald E.H. Dyer.

trong chương cuối liên quan đến sự biến đổi đạo đức của giới thượng lưu Ấn Độ và gửi nó đến các tầng lớp chuyên nghiệp - bác sĩ, luật sư, nhà khoa học, quản trị viên, chính trị gia và giám đốc điều hành doanh nghiệp - mong họ trở thành công cụ phục vụ quốc gia trước tiên, khao khát tiền hoặc địa vị là thứ yếu. Việc theo đuổi *artha* hoặc tiền bạc phải nằm trong khuôn khổ của Đạo pháp. Gandhi nhấn mạnh vào *Khadi* (vải bông dệt thủ công tại Ấn Độ) để tượng trưng cho yêu cầu này. *Swaraj* có nghĩa là tự cai cách, cai cách hiến pháp và cai cách kinh tế. Gandhi cam kết với sự thật vì ông thấy nó dạy ông trân trọng vẻ đẹp của sự thỏa hiệp vốn là bản chất của *satyagraha* - Chấp tri Chân lý. Có mối liên hệ chặt chẽ giữa *swaraj* và *satyagraha* vì cái sau là chìa khóa để nhận thức ra cái trước. *Swaraj* là tự trị và *satyagraha* là cách mà cá nhân, thông qua sự tự hy sinh có thể giành quyền kiểm soát bản thân. Mở rộng sang lĩnh vực chính trị, nó củng cố sức mạnh tinh thần cá nhân khi ông đưa ra sự bất tuân dân sự chống lại Chính phủ. Nhấn mạnh vào cả mục đích và phương tiện, Gandhi khẳng định rằng mục tiêu cao cả của *swaraj* chỉ đạt được nếu có phương tiện tinh khiết nhất.

Lý tưởng của Gandhi với ngôi làng là cơ sở của *Swaraj* nhấn mạnh thông điệp về sự tự lực và tự túc. Ngôi làng lý tưởng nên tự sản xuất thực phẩm và vải; nên có dự trữ cho gia súc, sân chơi cho người lớn và trẻ em, nhà hát, trường học và hệ thống nước của riêng nó. Mỗi hoạt động trong đó sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp tác. “*Độc lập phải bắt đầu từ bên dưới. Do đó, mỗi làng sẽ là một nước cộng hòa hoặc Panchayat có toàn bộ quyền lực, tự duy trì và có khả năng quản lý công việc của mình đến mức có thể tự bảo vệ mình trước toàn thế giới*” (Gandhi M.K., 1938, pp.62-67).

Năm 1931, Gandhi đã phác thảo bản chất của tổ chức lập pháp quốc gia cho Ấn Độ trong bài phát biểu tại Hội nghị Bàn tròn thứ hai như sau: “*Mỗi làng sẽ bầu đại diện của mình để tổ chức bầu cử thêm vào trung ương hoặc cơ quan lập pháp liên bang. Nó tương tự như mô hình cho hiến pháp của Ủy ban Quốc hội Ấn Độ, nơi các làng bầu ra các ủy ban nhỏ của riêng mình và lần lượt sẽ bầu ra các ủy ban Taluk, tiếp theo là các hội đồng huyện bầu ra các hội đồng tỉnh. Những người này cuối cùng sẽ gửi các thành viên của họ đến cơ quan lập pháp trung ương. Chỉ dân làng mới có thể là học viên của swadeshi; Dân làng kiểm bánh mì bằng sức lao động của chính mình*” (Gandhi M.K., 1938, p.76).

Tagore chỉ trích các chỉ thị của Gandhi và coi chúng thuộc về thời trung cổ. Sự nhấn mạnh vào lối sống đơn giản sẽ kìm hãm sự phát triển kinh tế, hình thức hẹp hòi của *Swadeshi* sẽ dẫn đến thái độ địa phương cục bộ, chủ nghĩa cô lập và sự thù địch không cần thiết đối với phần còn lại của thế giới. Tagore không đồng ý với khẳng định của Gandhi rằng 80% người dân Ấn Độ là nông dân và sáu tháng trong một năm họ không có công việc nào có ý nghĩa. Không có gì là khôn ngoan khi tầng lớp trung lưu dành thời gian rảnh rỗi để kéo sợi. Tagore tin chắc rằng, các kế hoạch của Gandhi sẽ dẫn đến sự cô lập của Ấn Độ, ngăn chặn kiến thức và tiến bộ của phương Tây đến với Ấn Độ. Đáp lại những cáo buộc này, Gandhi trả lời rằng chủ nghĩa dân tộc Ấn Độ không độc quyền, không hung hăng, cũng không phá hoại. Nó đem lại sự lành mạnh, sùng đạo và do đó, là nhân đạo. Ông bảo vệ việc sử dụng bánh xe quay sợi vì đó là cách duy nhất để hiện thực hóa sự đồng nhất của Ấn Độ đa diện một cách sống động. Mục đích của nó là tượng trưng cho sự hy sinh cho cả quốc gia. Về quan niệm địa phương cục bộ hẹp hòi và sự nguy hiểm của loại chủ nghĩa dân tộc cực đoan này, Gandhi nói: “*Tôi không muốn ngôi nhà của mình bị vây kín bởi những bức tường ở mọi phía và cửa sổ của tôi bị khép kín. Tôi muốn các nền văn hóa của tất cả các vùng đất thổi dưới chân tôi*” (Gandhi M.K., 1938, p.91). Gandhi không coi chủ nghĩa yêu nước của mình là độc

quyền: “nó được tính toán không làm tổn thương bất kỳ quốc gia nào khác mà là mang lại lợi ích cho tất cả theo nghĩa thực sự của từ này. Sự tự do của Ấn Độ được hình thành bởi tôi không bao giờ có thể là mối đe dọa đối với thế giới” (Gandhi M.K., 1938, pp.27-29). Gandhi thấy quốc gia bao gồm các thành phần cá nhân của con người chứ không phải như Dalton tuyên bố “đó là một thực thể siêu việt, sở hữu một linh hồn và một hình thức tự do của riêng mình” (Dalton, D., 1982, p.152). Ông nghĩ về *swaraj* trước tiên về mặt cá nhân và sau đó là về mặt xã hội. Ông nói *swaraj* của người dân có nghĩa là tổng số *swaraj* (tự trị) của các cá nhân. Ông cũng nhấn mạnh cái cách xã hội để đạt được *swaraj* và cái quan trọng nhất trong số các mục tiêu của cái cách xã hội là cái mà ông gọi là ba trụ cột của *swaraj*: sự thống nhất đạo Hindu - Islam, xóa bỏ sự cùng khổ và trợ giúp các ngôi làng Ấn Độ.

## Kết luận

Jayantana J. Bandhopadhyaya xác định sáu lý tưởng của chủ nghĩa dân tộc Ấn Độ là: (1) chống chủ nghĩa đế quốc (2) chống phân biệt chủng tộc (3) chủ nghĩa châu Á (4) chủ nghĩa quốc tế (5) không bạo lực và (6) dân chủ. Những lý tưởng này đã tìm thấy cách giải trình đầy đủ nhất dưới sự lãnh đạo của Gandhi (*Bandyopadhyaya, J.*, 1969). Hai điểm quan trọng nhất trong tư tưởng của chủ nghĩa dân tộc Ấn Độ là chống chủ nghĩa đế quốc và dân chủ, và đối với hầu hết trường hợp, phi bạo lực một chiến thuật hơn là một chính sách. Chống chủ nghĩa đế quốc vẫn là mục tiêu cơ bản của chủ nghĩa dân tộc Ấn Độ.

Gandhi là một nhà phê bình xã hội và sự phản kháng của ông chống lại sự bất bình đẳng hiện có và các chương trình mang tính xây dựng nhằm loại bỏ các tệ nạn xã hội rất mạnh mẽ và rõ ràng. Đối với Gandhi, nguyên nhân của sự chênh lệch giàu nghèo trong xã hội Ấn Độ là do sự bóc lột của đế quốc và giới hạn của nền văn minh công nghiệp tư bản chủ nghĩa của phương Tây. Gandhi là người cảm nhận sâu sắc sự chênh lệch gay gắt trong xã hội Ấn Độ và cố gắng giải quyết chúng theo cách riêng của mình.

Giống như Vivekananda và Aurobindo, Gandhi chấp nhận rằng bản chất của con người là đấu tranh cho sự tự giác hoặc tự do tâm linh. Đây là mục tiêu cao nhất của cá nhân và cách anh ta đạt được sự chinh phục bản thân là chìa khóa thành công. Gandhi cũng nhấn mạnh rằng, sự độc lập chính trị tự nó là không đầy đủ trừ khi đi kèm với một sự chuyển đổi đạo đức hoặc tinh thần của cá nhân trong xã hội. Gandhi không chỉ nhấn mạnh vào sự tiến bộ về đạo đức mà còn vào việc loại bỏ tâm lý nô lệ. Một yếu tố quan trọng không kém là cái cách xã hội, với sự giúp đỡ của chương trình xây dựng, để hiện thực hóa ba trụ cột của *swaraj* và do đó, thiết lập mối liên kết chặt chẽ giữa tự do và hòa hợp xã hội.

## Tài liệu tham khảo

1. Bandyopadhyaya, J. (1969), *Social and Political Thought of Gandhi*, Bombay, Allied Publishers.
2. Dalton, D. (1982), *India's Idea of Freedom*, Gurgaon, Academic Press.
3. Gandhi M.K. (1938), *Hind Swaraj or Indian Home Rule*, Printed & Published by: Jitendra T Desai Navajivan Publishing House Ahmedabad 380014 (India).
4. Judith M. Brown (1972), *Gandhi's Rise to Power: Indian Politics 1915-1922*, Cambridge University Press, p.128.
5. Donald. D. Leslie, “Islam in Traditional China. A short history to 1800” in the *Monumenta Serica Monograph Series* (vol. 44, 1998), Monumenta Serica Institute, p.196.).